

Số: /2026/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Quy định hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân; Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 03 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành quy định chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết Hội đồng nhân dân quy định hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật trực tiếp đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

2. Các cơ quan, tổ chức khác liên quan tới công tác quản lý, đầu tư, khai thác, vận hành, hoạt động của cụm công nghiệp.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cụm công nghiệp là nơi sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống, có quy mô diện tích không vượt quá 75 ha và không dưới 05 ha.

2. Cụm công nghiệp làng nghề là cụm công nghiệp có tối thiểu 60% diện tích đất công nghiệp dành cho việc di dời, mở rộng sản xuất kinh doanh của các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong làng nghề, có nghề truyền thống được công nhận.

3. Cụm công nghiệp chuyên ngành là cụm công nghiệp có tối thiểu 60% diện tích đất công nghiệp dành cho các dự án đầu tư có cùng ngành, nghề.

4. Cụm công nghiệp hỗ trợ là cụm công nghiệp có tối thiểu 60% diện tích đất công nghiệp dành cho các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo quy định của pháp luật về phát triển công nghiệp hỗ trợ.

5. Cụm công nghiệp công nghệ cao là cụm công nghiệp có tối thiểu 30% diện tích đất công nghiệp dành cho các dự án nghiên cứu, sản xuất và ứng dụng công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.

6. Cụm công nghiệp sinh thái là cụm công nghiệp hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế bền vững, tuần hoàn, giảm thiểu tác động môi trường, trong đó có các tổ chức, cá nhân trong cụm công nghiệp tham gia vào hoạt động sản xuất sạch hơn và sử dụng hiệu quả tài nguyên; có sự liên kết, hợp tác trong sản xuất để tối ưu hóa việc sử dụng hoặc tái sử dụng nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, chất thải, phế liệu và yếu tố khác trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

7. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của cụm công nghiệp bao gồm hệ thống các công trình giao thông, cấp nước, thoát nước, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn, phòng cháy, chữa cháy, cấp điện, chiếu sáng công cộng, thông tin liên lạc, cây xanh, mặt nước sử dụng chung và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phục vụ hoạt động chung của cụm công nghiệp.

8. Doanh nghiệp công nghệ cao là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao, có hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao.

Điều 4. Điều kiện hỗ trợ

1. Cụm công nghiệp nằm trong Phương án phát triển cụm công nghiệp của thành phố được thành lập, mở rộng theo quy định của pháp luật; đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng (1/500), hồ sơ về môi trường cụm công nghiệp

và phải thực hiện đúng trình tự đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định.

2. Đối tượng hỗ trợ bao gồm:

a) Cụm công nghiệp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

b) Cụm công nghiệp phát triển theo loại hình cụm công nghiệp làng nghề, cụm công nghiệp chuyên ngành, cụm công nghiệp hỗ trợ, cụm công nghiệp công nghệ cao, cụm công nghiệp sinh thái.

c) Cụm công nghiệp dành một phần diện tích đất đã đầu tư hạ tầng cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại và được thành lập mới sau ngày 17/5/2025 (hiệu lực thi hành của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân).

d) Cụm công nghiệp đã được thành lập trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Điều 5. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của cụm công nghiệp

a) Cụm công nghiệp do đơn vị sự nghiệp công lập làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hoặc được giao quản lý, khai thác và sử dụng hạ tầng kỹ thuật: Bố trí ngân sách thành phố để đầu tư hoàn thiện hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của cụm công nghiệp.

b) Cụm công nghiệp do doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: ¹

- Hỗ trợ 3,5 tỷ đồng/ha nhưng không quá 35 tỷ đồng/cụm công nghiệp đối với cụm công nghiệp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Hỗ trợ 3,0 tỷ đồng/ha nhưng không quá 30 tỷ đồng/cụm công nghiệp đối với cụm công nghiệp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- Hỗ trợ 2,5 tỷ đồng/ha nhưng không quá 25 tỷ đồng/cụm công nghiệp đối với cụm công nghiệp công nghệ cao; cụm công nghiệp dành một phần diện tích đất đã đầu tư hạ tầng cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại và được thành lập mới sau ngày 17/5/2025.

¹ Các mức hỗ trợ được căn cứ theo tỷ lệ phần trăm (từ 30-60%) của suất vốn đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp/ha, đề xuất tương ứng hỗ trợ khoảng 60% đối với cụm công nghiệp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 50% đối với cụm công nghiệp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; 40% đối với cụm công nghiệp công nghệ cao, cụm công nghiệp dành một phần diện tích đất đã đầu tư hạ tầng cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại và được thành lập mới sau ngày 17/5/2025; 35% đối với cụm công nghiệp làng nghề, cụm công nghiệp chuyên ngành, cụm công nghiệp hỗ trợ, cụm công nghiệp sinh thái; 30% đối với cụm công nghiệp đã được thành lập trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Tại Bảng 57 kèm theo Quyết định số 409/QĐ-BXD ngày 11/4/2025 của Bộ Xây dựng về việc công bố suất vốn đầu tư xây dựng và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2024 quy định: suất vốn đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (từ 10-75ha) khoảng 6,047 tỷ đồng/ha.

- Hỗ trợ 2,0 tỷ đồng/ha nhưng không quá 20 tỷ đồng/cụm công nghiệp đối với cụm công nghiệp làng nghề, cụm công nghiệp chuyên ngành, cụm công nghiệp hỗ trợ, cụm công nghiệp sinh thái.

- Hỗ trợ 1,8 tỷ đồng/ha nhưng không quá 20 tỷ đồng/cụm công nghiệp đối với cụm công nghiệp đã được thành lập trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

2. Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào cụm công nghiệp

Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có cam kết đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật kết nối đến chân hàng rào cụm công nghiệp thì được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ tối đa 70% tổng mức đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật kết nối đến cụm công nghiệp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Hỗ trợ tối đa 60% tổng mức đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật kết nối đến cụm công nghiệp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

c) Hỗ trợ tối đa 50% tổng mức đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật kết nối đến cụm công nghiệp thuộc địa bàn còn lại (áp dụng đối với cụm công nghiệp dành một phần diện tích đất đã đầu tư hạ tầng cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại và được thành lập mới sau ngày 17/5/2025; cụm công nghiệp phát triển theo loại hình cụm công nghiệp làng nghề, cụm công nghiệp chuyên ngành, cụm công nghiệp hỗ trợ, cụm công nghiệp công nghệ cao, cụm công nghiệp sinh thái; cụm công nghiệp đã được thành lập trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực).

Điều 6. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Hỗ trợ 01 lần/01 nội dung hỗ trợ trên cùng 01 đối tượng hỗ trợ.

2. Hỗ trợ sau khi hoàn thành toàn bộ dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; các hạng mục công trình phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án, thiết kế, dự toán và thực hiện công tác nghiệm thu theo quy định pháp luật.

3. Trong cùng một nội dung hỗ trợ, các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đủ điều kiện được hưởng nhiều mức hỗ trợ tại nhiều quy định khác nhau thì được lựa chọn áp dụng mức hỗ trợ cao nhất.

4. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức được hỗ trợ phải sử dụng vốn ngân sách đúng mục đích và đúng quy định, đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện việc đầu tư và thanh toán, quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn vốn ngân sách nhà nước.

2. Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác.

3. Nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kinh phí hỗ trợ theo dự toán chi ngân sách hàng năm của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 9. Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Lập kế hoạch và quyết định hỗ trợ vốn đầu tư

a) Trước ngày 30/8 hàng năm, căn cứ vào thời gian, nhiệm vụ lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm theo chỉ đạo của UBND thành phố, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp lập hồ sơ (cho từng cụm công nghiệp) về hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp trên địa bàn trong năm tiếp theo, gửi Sở Công Thương để thẩm tra các điều kiện, nội dung và mức hỗ trợ, tổng hợp danh sách các cụm công nghiệp đảm bảo điều kiện hỗ trợ gửi Sở Tài chính.

b) Trên cơ sở đề nghị của Sở Công Thương, Sở Tài chính kiểm tra, căn cứ khả năng cân đối nguồn kinh phí của ngân sách thành phố để xây dựng dự toán chi ngân sách hàng năm đối với các cụm công nghiệp đề nghị hỗ trợ, báo cáo UBND thành phố trình HĐND thành phố quyết định.

c) Căn cứ vào dự toán chi ngân sách hàng năm của thành phố đã được duyệt, đơn vị thụ hưởng thực hiện các thủ tục hỗ trợ và thanh quyết toán theo quy định.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

a) Tờ trình đề nghị hỗ trợ của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, trong đó nêu rõ tên dự án, địa điểm, quy mô, tổng mức đầu tư (chi tiết các nội dung), mức hỗ trợ đối với từng hạng mục công trình.

b) Văn bản giao nhiệm vụ chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp hoặc giao quản lý, khai thác và sử dụng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

c) Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

d) Hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng (1/500) cụm công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kèm theo bản vẽ thiết kế hạ tầng kỹ thuật.

e) Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án (đối với các cụm công nghiệp thành lập trước ngày Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp có hiệu lực).

f) Hồ sơ liên quan đến hạng mục công trình đề nghị hỗ trợ.

g) Đối với cụm công nghiệp đã được hưởng chính sách hỗ trợ nhưng chưa đảm bảo mức hỗ trợ theo Nghị quyết này, hồ sơ đề nghị bổ sung Báo cáo kết quả, tiến độ triển khai thực hiện dự án, tình hình sử dụng kinh phí đã được hỗ trợ.

Điều 10. Quy định chuyển tiếp

1. Trường hợp các cụm công nghiệp do doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp đã được hưởng chính sách hỗ trợ trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì được tiếp tục áp dụng mức

hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này đối với phần kinh phí còn lại chưa được hỗ trợ.

2. Trường hợp cụm công nghiệp đã được thành lập trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và do đơn vị sự nghiệp công lập làm chủ đầu tư hoặc làm đơn vị quản lý, khai thác và vận hành thì được áp dụng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Đối với các cụm công nghiệp đã được đầu tư công hoặc đủ điều kiện được đầu tư công theo quy định của pháp luật thì được áp dụng theo các quy định hiện hành.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng ... năm 2026.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy định viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa ... , Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VP Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Các Bộ: Công Thương, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Công Thương;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố; Đại biểu HĐND thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- VP UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Các Đảng ủy cấp xã, HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam các phường, xã, đặc khu;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố, Công báo thành phố, Báo và PTTH Đà Nẵng, Ban Chuyên đề CA TPĐN, Trung tâm THVN khu vực MTTN (VTV8);
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH